

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 12 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hải Hà.

2. Ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 21/2024/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Cao Thanh T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. **Người làm chứng:** Bà Bùi Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Trần Thị T và của Cao Thanh T1, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Cao Thanh T1 lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, đồng thời được UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam chứng nhận kết hôn vào ngày 23/01/2019.

* Theo chị Trần Thị T: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình nhà anh T1 ở thôn C, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 05/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

anh T1 không chịu khó làm ăn, mãi mê chơi game, không quan tâm đến gia đình, không giúp việc nhà và phụ chị chăm sóc con chung; chị T đã góp ý nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi, kinh tế trong gia đình khó khăn do chỉ mình chị đứng ra lo liệu. Vì vậy, khoảng tháng 05/2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam. Đến tháng 06/2022, anh T1 có sang nhà chị nói chuyện và xin lỗi chị, hứa thay đổi bản thân nên chị đã trở về chung sống cùng anh T1. Khi về chung sống cùng anh T1 thì anh T1 vẫn không thay đổi, vẫn mãi chơi game, không lao động, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng bất hoà chị tiếp tục ly thân từ tháng 06/2024 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị Trần Thị T xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh Cao Thanh T1 được ly hôn nhau.

* Ý kiến của anh Cao Thanh T1 lưu tại hồ sơ: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Trần Thị T trình bày là đúng. Đầu năm 2020 thì giữa chị T và gia đình anh có mâu thuẫn nên chị T đã bỏ về nhà để đến năm 2022 mới lại quay về chung sống cùng với anh. Sau đó do anh T1 làm ăn kinh tế bị thua lỗ dẫn đến mâu thuẫn gia đình từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng không ai nói với ai, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị Trần Thị T xin ly hôn anh T1, anh T1 đề nghị Toà án cho anh thêm thời gian để vợ chồng thống nhất việc ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Trần Thị T và anh Cao Thanh T1 đều xác nhận có 02 con chung, cháu thứ nhất là Cao Quỳnh C, sinh ngày 22/10/2019; cháu thứ hai là Cao Quỳnh A, sinh ngày 06/12/2022. Hiện nay cả 02 cháu đã được chị T đưa về nhà bố mẹ đẻ chị T ở thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp ly hôn chị Trần Thị T và anh Cao Thanh T1 đều có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 cháu và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Các đương sự không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

* Theo ý kiến bà Bùi Thị H (là mẹ đẻ của chị Trần Thị T) lưu tại hồ sơ:

Chị Trần Thị T và anh Cao Thanh T1 lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu. Đồng thời được UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam chứng nhận kết hôn ngày 23/01/2019. Quá trình chung sống, anh T1 và chị T sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến tháng 05/2020 thì chị T bỏ về nhà bà H sinh sống, anh T1 đã nhiều lần sang nhà bà xin lỗi và mong chị T quay về. Đến khoảng tháng 06/2022 chị T đã quay về và chung sống cùng anh T1. Anh T1 và chị T chung sống được một thời gian thì lại phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 10/2024 chị T lại quay trở về nhà bà H sinh sống cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh T1, bà H đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn anh T1. Trường hợp ly hôn bà H đề nghị:

+ Chị Trần Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Cao Quỳnh C, sinh ngày 22/10/2019 và Cao Quỳnh A, sinh ngày 06/12/2022.

+ Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

* Theo kết quả xác minh tại UBND xã N: Chị Trần Thị T và anh Cao Thanh T1 tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 23/01/2019 tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Chị T và anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ một thời gian dài sau đó mới quay về với anh T1. Trong cuộc sống hàng ngày thì chị T chăm chỉ làm ăn, anh T1 không chịu khó dẫn đến nhiều mâu thuẫn như hiện nay. Hiện nay nhà bố mẹ anh T1 đã bán cho người khác, bản thân anh T1 và mẹ đẻ đang đi thuê nhà, không có nơi ở ổn định. Trường hợp ly hôn: Đề nghị Toà án căn cứ pháp luật để giải quyết vấn đề con chung, tài sản, công nợ và các vấn đề khác theo nguyện vọng của chị T và anh T1.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Cao Thanh T1 vắng mặt không có lý do nên Toà án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T1. Về con chung: Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung là Cao Quỳnh C và Cao Quỳnh A và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn (anh Cao Thanh T1) đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Cao Thanh T1. Về con chung: Giao cháu Cao Quỳnh A cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành; giao cháu Cao Quỳnh C cho anh T1 chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về án phí ly hôn: Chị T phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Cao Thanh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Cao Thanh T1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng mỗi người trình bày là khác nhau. Song thực tế từ khoảng tháng 05/2020 đến tháng 06/2022 anh chị đã sống ly thân; tiếp đó ly thân từ tháng 06/2024 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Cao Thanh T1 đều xác nhận có 02 con chung, cháu thứ nhất là Cao Quỳnh C, sinh ngày 22/10/2019; cháu thứ hai là Cao Quỳnh A, sinh ngày 06/12/2022. Hiện nay cả 02 cháu đã được chị T đưa về nhà bố mẹ đẻ chị T ở Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Hà Nam. Chị Trần Thị T và anh Cao Thanh T1 đều có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Nguyên vọng nuôi con chung của chị T và anh T1 là chính đáng, phù hợp thực tế và quy định của pháp luật. Chị T không có căn cứ nào bác bỏ quyền nuôi con của anh T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Cao Quỳnh C cho anh T1 nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2025, giao cháu Cao Quỳnh A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp thực tế và phù hợp với Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Chị T và anh T1 đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Cao Thanh T1.

2. Về con chung:

- Giao anh Cao Thanh T1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Quỳnh C, sinh ngày 22/10/2019 (do chị T đang chăm sóc, nuôi dưỡng) kể từ tháng 01/2025, cho tới khi cháu C đủ 18 tuổi.

- Giao chị Trần Thị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cao Quỳnh A, sinh ngày 06/12/2022 cho tới khi cháu A đủ 18 tuổi.

Anh Cao Thanh T1 và chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân theo biên lai số 0001807 ngày 09/10/2024. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với anh Cao Thanh T1 thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã Nhân Khang;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thành Nam